Chi tiết mã HS 9028.30.10

Mã HS	9028.30.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị đo khí, chất lỏng hoặc lượng điện được sản xuất hoặc cung cấp, kể cả thiết bị kiểm định các thiết bị trên / - Công tơ điện: / - - Máy đếm ki-lô-oát giờ
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:21:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90283010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18188
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18188
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18188
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17512
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17441
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17441
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17441
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17441
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17441
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17441
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17497
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17497

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17497
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17497
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17497
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17497
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17498
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17498
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17498
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17498
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17498
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17498
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17503
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17459
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17455
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17455
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17455
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17455
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17455
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17455
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17501
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17501
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17501
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17501
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17501
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17501
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17563
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17563

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17563
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17563
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17563
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17563
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D17539
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E17539
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F17539
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17539
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17539
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17539
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D17534
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E17534
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F17534
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G17534
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H17534
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17534
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17564
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17564
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17564
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17564
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17564
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17564
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17563
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17563
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17563
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17563

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17563
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17563
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17657
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17657
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17657
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17657
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17657
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17657
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17657
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D17526
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E17526
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F17526
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G17526
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H17526
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I17526
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D17526
RCEP B	2023	2023	20	B!E17526
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F17526
RCEP B	2025	2025	15	B!G17526
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H17526
RCEP B	2027	2027	10	B!I17526
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D17524
RCEP C	2023	2023	20	C!E17524
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F17524
RCEP C	2025	2025	15	C!G17524
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H17524

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I17524
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D17523
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E17523
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F17523
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G17523
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H17523
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I17523
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D17527
RCEP E	2023	2023	20	E!E17527
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F17527
RCEP E	2025	2025	15	E!G17527
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H17527
RCEP E	2027	2027	10	E!I17527
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D17526
RCEP F	2023	2023	20	F!E17526
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F17526
RCEP F	2025	2025	15	F!G17526
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H17526
RCEP F	2027	2027	10	F!I17526
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F16430
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G16430
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H16430
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I16430

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Phương tiện đo phải kiểm tra nhà nước về đo lường khi NK (2284/QĐ-BKHCN ngày 15/08/2018)		2284/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9028.30 có 2 dòng thuế; dòng 9028.30.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy đếm ki-lô-oát giờ.	9028.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9028.30.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9028.30.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18188), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phương tiện đo phải kiểm tra nhà nước về đo lường khi NK (2284/QĐ-BKHCN ngày 15/08/2018)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.